

Số: /2025/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Nghị định số 308/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm: Nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể; sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể; kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Thông tư này là mức tối đa, được bảo đảm tính đúng, tính đủ để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chức danh lao động trong Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật được xác định như sau:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức áp dụng theo Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL thì áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động thực tế không như quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này thì cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị

cung cấp dịch vụ sự nghiệp công xem xét, quyết định áp dụng hạng, bậc của chức danh lao động tương đương hoặc hạng của chức danh lao động đang làm việc và mức hao phí theo thực tế. Trong các trường hợp này phải bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức tại Thông tư này.

d) Đối tượng là công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng, bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (8 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng tỷ lệ 15% của tổng hao phí lao động trực tiếp tương ứng.

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng cần thiết từng loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng tỷ lệ 10% tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng bảng định mức.

2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

a) Tên định mức;

b) Thành phần công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, gồm:

- Hao phí nhân công: Chức danh và hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí lao động;

- Hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng;

- Hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí vật liệu sử dụng;

- Trị số định mức hao phí: Là giá trị tính bằng số hao phí nhân công, hao phí máy móc, thiết bị sử dụng, hao phí vật liệu;

- Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn của định mức trong các trường hợp điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc nhất định.

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể được áp dụng nội dung và định mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này.

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này.

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

7. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung ứng dịch vụ sự nghiệp công nghiên cứu, căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VH-TT-DL;
- Các Cục, Vụ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VH-TT-DL;
- Sở VH-TT-DL, Sở VH-TT;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; CSDL quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT của Bộ VH-TT-DL;
- Lưu: VT, DSVH.LTN.150.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng